

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

Ông **Hoàng Sĩ Quang**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Văn Tường** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người được chỉ N ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Cao Mạnh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Cao Văn S**, sinh năm 1952 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:* Chị và anh Cao Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/10/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì chị đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2016 anh T cũng sang Đài Loan làm ăn nhưng vợ chồng không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi. Quá trình chung sống vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời, rượu chè, không chăm lo cho kinh tế gia đình, cuộc sống gia đình ngột ngạt, căng thẳng. Chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe lại còn đe dọa làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị. Nay chị và anh T không nói chuyện, không liên lạc với nhau và chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Cao Mạnh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Minh A, sinh ngày 28/8/2020 và Cao Minh T, sinh ngày 18/8/2012, hiện các con đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi một con, trường hợp anh T nhận nuôi cả 2 con chị cũng nhất trí và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cả 02 con chung là 2.400.000đ/tháng, mỗi con là 1.200.000đ/tháng. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để bố mẹ đẻ anh T là ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị B chăm sóc các con cho đến khi anh T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị N đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Vũ Thị C trình bày:* Chị đồng ý nhận ủy quyền của chị N về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị N biết, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã T hành xác minh tại gia đình anh T. Ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ anh T trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị N trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung Cao Minh A và Cao Minh T và yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi cả hai con chung, mỗi con là 1.200.000đ/1tháng, cả 02 con là 2.400.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh nhờ bố, mẹ đẻ là ông

S, bà B thay anh chăm sóc các con cho đến khi anh về nước. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị B nhất trí thay anh T chăm sóc cháu Cao Minh A và cháu Cao Minh T cho đến khi anh T về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng.

Cháu Cao Minh A và Cao Minh T có nguyện vọng được ở với anh T và ông bà nội.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại gia đình anh T được một thời gian thì chị N đi lao động tại Đài Loan, sau hai năm anh T cũng sang Đài Loan làm ăn. Đến nay anh chị chưa về nước. Anh chị có 2 con chung là Cao Minh A và Cao Minh T hiện đang ở cùng ông bà nội. Chi phí để nuôi một cháu nhỏ đang độ tuổi học cấp 1 - cấp 2 tại địa phương khoảng 2,5 - 3 triệu đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Cao Mạnh T. Về con chung: Giao con chung Cao Minh A và Cao Minh T cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.400.000đ/tháng đối với cả 02 con, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Cao Minh A và Cao Minh T cho ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị B chăm sóc trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị N và bị đơn anh Cao Mạnh T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư Đại, phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, hiện chị N và anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù, chị N không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay của chị N trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong giấy chứng minh

nhân dân của chị N là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị N gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông S, bà B là bố mẹ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T đồng thời T hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông S, bà B vẫn thường xuyên liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh T, ông S và bà B cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N là chị Vũ Thị Chang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Hội đồng xét xử Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Cao Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì anh chị đều sang Đài Loan làm ăn. Tuy nhiên, anh chị không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi từ đó vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Anh T chơi bời, rượu chè, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho kinh tế gia đình, chị nhiều lần khuyên bảo thì anh đe dọa làm ảnh hưởng tâm lý của chị, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị N và anh Cao Mạnh T có 02 con chung là Cao Minh A, sinh ngày 28/8/2010 và Cao Minh T, sinh ngày 18/8/2012, hiện các con đang ở với ông bà nội. Chị N và anh T thống nhất giao cả 02 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cả 02 con chung, mỗi con là 1.200.000đ/tháng, cả 02 con là 2.400.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh T và ông bà nội. Anh T ủy quyền cho ông Cao Văn S và bà bà Nguyễn Thị B chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Cao Minh A và Cao Minh T cho ông S, bà B nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Cao Mạnh T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Cao Mạnh T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cao Minh A, sinh ngày 28/8/2010 và Cao Minh T, sinh ngày 18/8/2012 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị Vũ Thị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.200.000đ/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị N không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000036 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị Chang nộp thay). Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N và anh Cao Mạnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**